

# Bản tin Phân tích kỹ thuật

---

09/06/2026

**Vietcap** ▲



**Vũ Minh Đức**  
Phó Giám đốc  
[duc.vu@vietcap.com.vn](mailto:duc.vu@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.363

**Lê Hải Đăng**  
Chuyên viên  
[dang.le@vietcap.com.vn](mailto:dang.le@vietcap.com.vn)  
+8428 3914 3588 ext.570

# Chiến lược HDTL chỉ số VN30



## Nhận định:

- 4111G6000 đóng cửa trên đường MA20 cho thấy đà hồi phục áp đảo về cuối phiên, tạo điều kiện tiếp cận vùng kháng cự quanh 1.960 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.950 điểm, mục tiêu tại 1.960 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.946 điểm.

## Chiến lược:

- Mua (B): 1.950 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.960 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.946 điểm

# Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

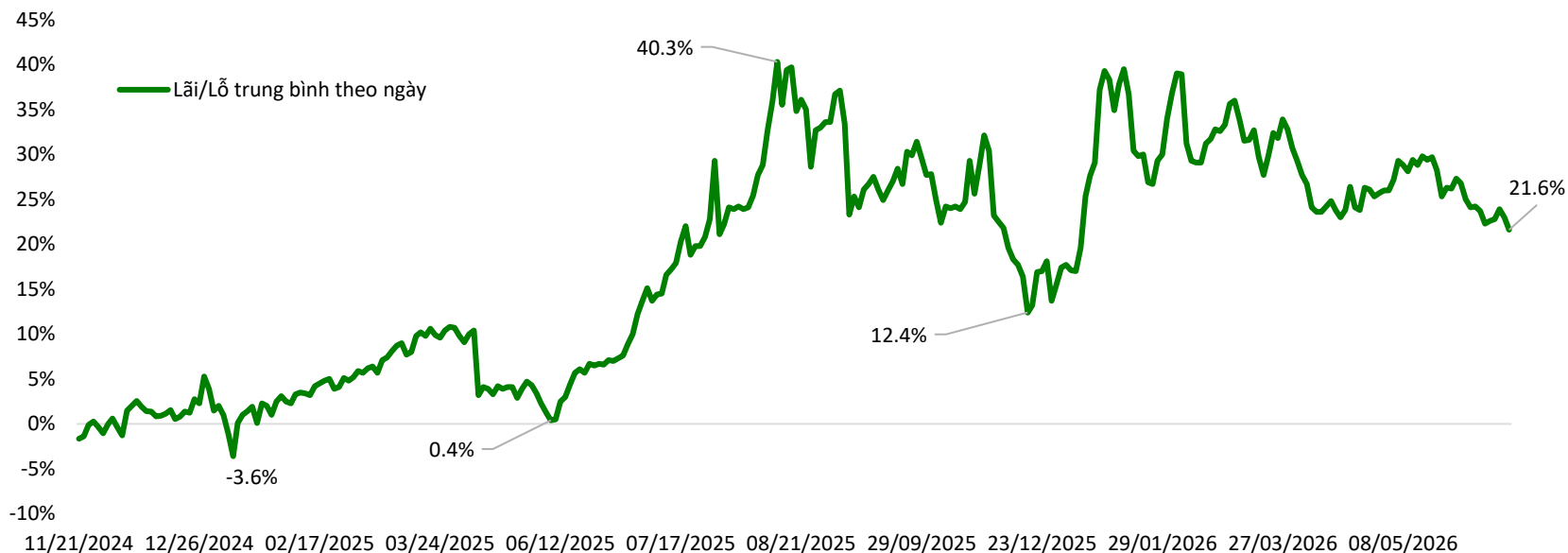


Nguồn: Vietcap

- VN-Index hồi phục với độ rộng thị trường tích cực, ghi nhận 174 mã tăng so với 128 mã giảm. Tuy nhiên, thanh khoản sụt giảm cho thấy lực cầu vẫn thận trọng, dù áp lực bán đã hạ nhiệt đáng kể so với phiên trước. Hoạt động mua chưa lan tỏa rộng nhưng bắt đầu cải thiện tại một số mã thuộc nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Bảo hiểm và Dịch vụ Tiêu dùng.
- Về mặt kỹ thuật, tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn vẫn chưa được phủ nhận. Phiên tăng trên thanh khoản thấp cho thấy nhịp hồi phục hiện vẫn mang tính kỹ thuật, chưa đủ xác nhận khả năng đảo chiều. Hỗ trợ gần nằm tại vùng 1.750 điểm, trong khi tín hiệu ngắn hạn chỉ cải thiện rõ hơn nếu VN-Index vượt kháng cự 1.820 điểm.
- Đánh giá rủi ro, thanh khoản thấp trong phiên hồi phục cho thấy tâm lý thị trường vẫn thận trọng sau nhịp giảm mạnh trước đó. Do lực cầu chưa đủ lan tỏa, VN-Index nhiều khả năng thiếu động lực để đảo chiều mạnh hoặc kết thúc ngay tín hiệu điều chỉnh hiện tại. Các nhịp rung lắc có thể tiếp tục xuất hiện với tần suất cao trong thời gian tới. Khuyến nghị tạm ngưng mở mới các vị thế ngắn hạn cho đến khi lực mua cải thiện rõ hơn.

## Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,150	47,500	-0.7%	46,000	53,600		
PLX	05/06/2026		Đang mở	40,500	41,150	-1.6%	39,700	47,800		



# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	193,200	-0.92%	-5.71%	1,488,805	-2.722	1,506	10.0	128.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	26,500	4.95%	5.58%	136,121	1.335	3,167	1.4	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	72,000	3.15%	8.11%	135,736	0.847	2,454	2.2	29.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	82,400	-1.79%	0.24%	198,827	-0.704	4,808	2.9	17.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VHM	146,000	-0.48%	-3.18%	599,682	-0.567	15,766	2.3	9.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	28,050	-1.92%	1.26%	140,455	-0.535	2,612	2.0	10.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	25,900	1.17%	-2.08%	205,489	0.477	3,314	1.2	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	72,400	2.26%	-1.09%	104,684	0.469	3,268	2.9	22.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,550	1.07%	-0.63%	198,832	0.423	2,499	1.4	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	90,000	1.12%	-2.17%	161,397	0.359	1,405	4.2	64.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	33,400	2.14%	3.73%	81,326	0.345	1,791	2.7	18.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	61,500	0.33%	-0.16%	513,874	0.332	4,301	2.2	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MWG	77,400	1.31%	-0.64%	113,656	0.295	5,552	3.2	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	40,500	-2.88%	4.25%	51,459	-0.293	1,400	2.0	28.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	73,700	1.10%	-1.47%	125,548	0.273	5,691	3.2	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	157,800	9.97%	6.77%	60,753	7.034	271	13.7	581.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	12,000	2.56%	4.35%	23,096	0.688	43	1.7	277.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSF	83,400	-0.48%	-26.46%	75,042	-0.416	14,074	4.3	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DHT	65,000	-3.27%	-2.99%	5,887	-0.224	457	5.4	142.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCH	7,700	10.00%	0.00%	1,540	0.179	402	0.9	19.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
CEO	14,800	1.57%	-2.88%	8,818	0.161	337	1.4	43.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	153,900	-0.39%	-2.59%	30,780	-0.139	13,090	5.1	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBS	19,100	-0.52%	-2.55%	19,118	-0.116	1,814	2.3	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDJ	4,900	8.89%	6.52%	850	0.088	-698	0.5	-7.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTI	26,100	2.35%	-1.14%	3,147	0.086	2,389	1.2	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	91,300	0.88%	-1.62%	275,821	0.120	3,657	6.2	24.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
SJG	25,000	6.38%	8.70%	11,576	0.036	3,937	1.4	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	43,500	-0.46%	0.23%	156,068	-0.035	2,980	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MVN	60,000	0.84%	-1.80%	72,272	0.030	1,955	4.9	30.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SSH	62,300	2.13%	19.12%	23,363	0.025	-348	4.0	-179.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SNZ	27,500	-3.85%	-7.41%	10,375	-0.020	3,164	1.4	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIN	125,900	3.20%	-2.40%	11,580	0.018	15,995	4.7	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	82,000	-2.03%	-6.23%	18,144	-0.018	3,269	7.4	25.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	73,700	-3.66%	3.80%	6,907	-0.012	6,136	6.8	13.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HTM	10,200	10.87%	13.33%	2,244	0.012	-128	1.0	-79.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

# Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

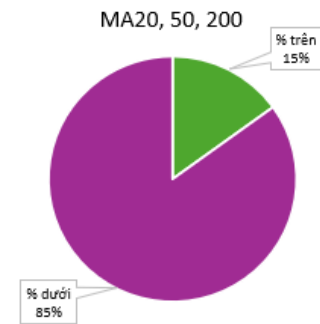
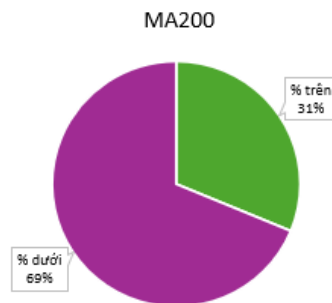
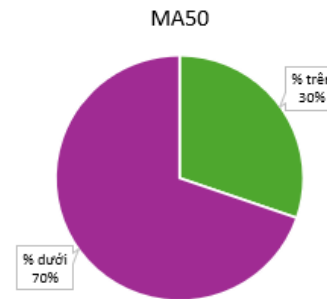
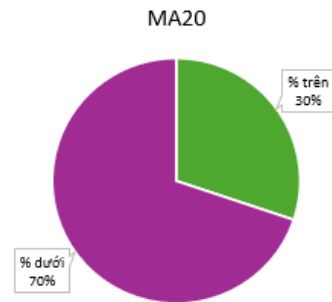
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ABB	16,100	0.6%	27.9	13.2	7,220	16,000	1.3	5.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	25,600	-1.2%	24.3	24.7	25,900	33,000	1.4	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	122,400	-1.7%	81.2	48.4	123,000	175,500	4.7	22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	20,750	-0.2%	10.7	38.0	20,800	31,871	1.3	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEG	13,650	-1.4%	7.2	6.2	13,850	18,000	1.1	10.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	4,960	-0.2%	13.0	23.1	4,970	8,700	0.4	33.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	8,610	-1.0%	6.0	6.7	8,700	14,954	0.9	29.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	14,900	-0.3%	9.1	9.1	14,950	22,250	0.6	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGĐ ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDJ	4,900	8.9%	19.7	3.1	3,700	8,400	0.5	-7.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
API	6,700	9.8%	9.6	1.3	5,400	10,400	0.7	-58.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
AMS	10,000	3.1%	10.1	2.0	7,400	10,800	0.7	8.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VIW	27,200	14.3%	28.1	13.4	8,200	61,000	2.4	75.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
APS	7,000	9.4%	8.6	3.1	5,700	13,500	0.8	-15.9	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

---



## Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			09/06/2026	08/06/2026	05/06/2026	04/06/2026	03/06/2026	02/06/2026	01/06/2026	29/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	22%	22%	24%	24%	23%	23%	26%	26%
		Dưới	78%	78%	76%	76%	77%	77%	74%	74%
	MA50	Trên	26%	27%	31%	32%	32%	32%	34%	36%
		Dưới	74%	73%	69%	68%	68%	68%	66%	64%
	MA20	Trên	25%	22%	29%	28%	28%	27%	30%	29%
		Dưới	75%	78%	71%	72%	72%	73%	70%	71%
VN30	MA200	Trên	33%	37%	40%	43%	37%	37%	43%	47%
		Dưới	67%	63%	60%	57%	63%	63%	57%	53%
	MA50	Trên	37%	37%	53%	53%	43%	50%	53%	57%
		Dưới	63%	63%	47%	47%	57%	50%	47%	43%
	MA20	Trên	23%	17%	33%	30%	20%	13%	27%	30%
		Dưới	77%	83%	67%	70%	80%	87%	73%	70%
HNX	MA200	Trên	32%	33%	34%	34%	33%	34%	32%	31%
		Dưới	68%	67%	66%	66%	67%	66%	68%	69%
	MA50	Trên	30%	31%	33%	37%	36%	36%	32%	32%
		Dưới	70%	69%	67%	63%	64%	64%	68%	68%
	MA20	Trên	32%	33%	34%	34%	33%	34%	32%	31%
		Dưới	68%	67%	66%	66%	67%	66%	68%	69%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	33%	32%	34%	32%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	67%	68%	66%	68%	67%	67%
	MA50	Trên	33%	32%	33%	33%	34%	32%	32%	32%
		Dưới	67%	68%	67%	67%	66%	68%	68%	68%
	MA20	Trên	35%	34%	35%	34%	35%	34%	34%	34%
		Dưới	65%	66%	65%	66%	65%	66%	66%	66%

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	09 ↓	Tháng 6								Tháng 5										
		08	05	04	03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13
1 Du lịch và Giải trí	48	49	48	45	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51
2 Ngân hàng	45	49	51	48	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54
3 Tài nguyên Cơ bản	44	47	46	44	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56
4 Bảo hiểm	42	47	38	37	38	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30	25	28	27
5 Dịch vụ tài chính	40	43	44	46	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43
6 Điện, nước & xăng d...	40	39	38	38	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36
7 Thực phẩm và đồ uống	40	41	41	42	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49
8 Xây dựng và Vật liệu	37	38	38	38	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43
9 Ô tô và phụ tùng	34	34	42	37	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32
10 Bất động sản	33	34	34	34	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54
11 Hàng & Dịch vụ Côn...	33	36	38	36	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52
12 Dầu khí	32	34	32	30	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50
13 Bán lẻ	31	33	33	34	32	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37
14 Công nghệ Thông tin	30	34	35	36	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12
15 Hóa chất	30	32	32	31	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50
16 Hàng cá nhân & Gia ...	22	22	18	19	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	26,500	5.0%	5.6%	136,121	1.4	8.4	3,167	1,272.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	179,000	1.2%	5.2%	105,898	4.1	41.7	4,290	158.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	157,800	10.0%	6.8%	60,753	13.7	581.9	271	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	76,000	0.0%	3.7%	32,414	2.4	17.1	4,457	63.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	12,150	2.5%	5.2%	32,356	0.9	7.6	1,604	40.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ABB	16,100	0.6%	1.9%	22,489	1.3	5.1	3,161	27.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,900	2.3%	7.2%	1,011	0.9	36.4	245	18.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DST	12,900	9.3%	57.3%	416	1.0	181.4	71	6.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	72,000	3.2%	8.1%	135,736	2.2	29.3	2,454	595.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	82,000	-2.0%	-6.2%	18,144	7.4	25.2	3,269	18.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	33,400	2.1%	3.7%	81,326	2.7	18.7	1,791	177.5	Tích cực	6.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,000	2.6%	4.3%	23,096	1.7	277.2	43	5.2	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VAB	10,650	1.9%	2.4%	8,694	0.8	6.1	1,758	6.2	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HQC	2,810	0.4%	2.6%	1,761	0.3	23.4	120	21.2	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VIW	27,200	14.3%	18.8%	1,509	2.4	75.9	343	28.1	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
API	6,700	9.8%	11.7%	563	0.7	-58.4	-115	9.6	Tích cực	6.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	27,450	0.4%	3.0%	29,645	2.1	19.9	1,382	77.8	Tích cực	5.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
EVF	13,600	1.1%	2.3%	10,344	1.0	11.2	1,210	26.1	Tích cực	5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VVS	118,500	5.7%	-4.1%	2,551	3.1	5.5	21,443	19.0	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
AAN	21,900	-1.4%	-2.2%	1,424	1.5	19.9	1,103	7.0	Tích cực	5.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

## Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	38,500	-1.3%	-4.5%	106,795	2.4	17.5	2,202	33.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	25,600	-1.2%	-3.8%	48,000	1.4	11.3	2,263	24.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	29,000	1.8%	-2.8%	27,311	1.1	16.9	1,714	47.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	23,400	0.0%	-3.9%	26,855	1.6	17.8	1,314	100.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	122,400	-1.7%	-4.2%	20,845	4.7	22.8	5,368	81.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	24,000	-2.0%	-4.6%	16,318	1.4	12.9	1,868	84.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	19,350	0.8%	-2.0%	12,509	1.1	3.0	6,432	36.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	49,800	-0.4%	-2.0%	12,057	2.2	9.2	5,392	12.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	12,550	0.0%	-2.7%	9,995	1.0	12.5	1,003	58.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	18,500	0.0%	-3.9%	6,926	1.3	25.3	731	48.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	20,350	0.2%	-3.6%	5,418	1.5	5.1	3,992	12.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,550	1.3%	-1.7%	4,059	1.3	17.2	1,309	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,450	0.0%	-1.2%	2,406	1.0	9.4	2,181	13.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	8,850	0.1%	-3.0%	1,828	0.7	12.6	705	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	8,610	-1.0%	-4.8%	1,767	0.9	29.1	296	6.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	10,400	0.0%	-11.1%	1,601	0.9	11.2	927	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,150	0.4%	-1.3%	299,575	1.6	9.4	4,392	83.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTG	33,400	0.5%	-1.3%	259,416	1.4	6.8	4,906	120.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,900	0.2%	-3.1%	218,965	1.2	8.4	3,677	296.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,900	1.2%	-2.1%	205,489	1.2	7.8	3,314	239.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

# Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,250	1.35%	-0.44%	25,500	126.7%	(143)	0.9	-78.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	44,900	-0.66%	-1.75%	91,200	103.1%	6,911	1.1	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,550	1.35%	-1.74%	42,400	88.0%	1,309	1.3	17.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,700	2.16%	3.27%	42,600	79.7%	1,077	1.4	22.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	25,800	0.58%	-0.96%	45,800	77.5%	1,599	1.0	16.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	28,400	1.43%	0.35%	49,000	72.5%	1,971	1.5	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,100	0.00%	-2.38%	66,800	62.5%	2,896	2.1	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,400	-0.35%	-0.69%	23,100	60.4%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	20,750	-0.24%	-0.76%	32,900	58.6%	1,635	1.3	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,000	0.00%	0.53%	60,000	57.9%	3,781	1.3	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVT	20,000	0.00%	2.09%	30,800	54.0%	2,211	1.2	9.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	13,250	-4.33%	-6.69%	20,000	50.9%	1,512	0.6	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,200	-0.93%	-1.40%	31,900	50.5%	(99)	1.4	-215.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,550	1.07%	-0.63%	35,400	50.3%	2,499	1.4	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,400	0.45%	-1.33%	50,000	49.7%	4,906	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,900	1.17%	-2.08%	38,000	46.7%	3,314	1.2	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	122,400	-1.69%	-4.15%	178,800	46.1%	5,368	4.7	22.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,650	0.20%	0.00%	36,000	46.0%	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,550	1.15%	2.03%	24,600	40.2%	3,419	1.2	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	49,800	-0.40%	-1.97%	69,800	40.2%	5,392	2.2	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

# Khuyến cáo

---

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

# Thông tin liên hệ

---

## Phòng Research

**Duc Vu, Associate Director**

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

**Research team**

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

**Nam Hoang, Head of Research**

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

## Brokerage and Institutional Sales & Trading

**Anthony Le**

**Director, Brokerage &  
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

**Quynh Chau**

**Managing Director  
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn